

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-ST

Ngày 06-9-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.
2. Ông Lê Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST–DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐST–DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Quang Thị T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp QĐB, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp TM, xã MA, huyện p, tỉnh Bến Tre.

Ông Chí có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1954 và bà Hồ Thị C, sinh năm: 1953. Cùng địa chỉ: ấp QL, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông B và bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Quang Thị T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông B, bà C việc nuôi tôm là để phục vụ kinh tế gia đình của ông B và bà C. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là bà T bán trước sau đó đến cuối vụ tổng kết lại thì ông B, bà C phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ cho bà T. Đến ngày 07/01/2023 tổng kết lại ông B, bà C còn nợ bà T tổng số T là 151.176.000 đồng, ông B và bà C có ký nhận nợ với bà T. Sau đó bà T nhiều lần yêu cầu ông B, bà C giao trả số T 151.176.000 đồng nhưng ông B, bà C không trả.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số T còn nợ là 151.176.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 19/6/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tạm tính lãi từ đến 19/6/2023 đến ngày 06/9/2023 là: 02 tháng 17 ngày x 151.176.000 đồng x 0,83%/tháng = 3.220.551 đồng. Tổng cộng là 154.396.551 đồng. Bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện với số T là 157.449.804 đồng – 154.369.551 đồng = 3.080.253 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C cư trú tại 46/1 ấp Quí Lợi, xã Hoà Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà C.

[4] Xét yêu cầu của bà T về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu ông B, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T nợ lãi là 3.080.253 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu ông B và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số T là 154.396.551 đồng, trong đó: nợ vốn là 151.176.000 đồng, nợ lãi là 3.220.551 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B và bà C đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quang Thị T là có căn cứ nên cần buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Quang Thị T số T 151.176.000 đồng là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu của bà Quang Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số T lãi phát sinh tính từ ngày 19/6/2023 đến ngày 06/9/2023 là: 02 tháng 17 ngày x 151.176.000 đồng x 0,83%/tháng = 3.220.551 đồng. Xét thấy: Do ông B và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Lẽ đó, việc bà T yêu cầu ông B và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi phát sinh với số T là 3.220.551 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quang Thị T được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quang Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Quang Thị T nợ lãi là 3.080.253 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Quang Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Quang Thị T số T là 154.396.551 đồng, trong đó: nợ vốn là 151.176.000 đồng, nợ lãi là 3.220.551 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Quang Thị T được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số T tạm ứng án phí đã nộp là 3.936.000 đồng theo biên lai thu số 0006882 ngày 22 tháng 6 năm 2023.

- Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị C phải liên đới nộp là 7.719.827 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

